TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2022/HSST
Ngày: 26/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Đặng Văn Châu.

2/Bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Công Th - sinh ngày 03/12/2002 tại: xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Công Tr, sinh năm 1975, con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978. Hiện cùng trú tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự : Không. Nhân thân: ngày 09/9/2020, bị Công an huyện N xử phạt hành chính với số tiền 1.250.000đ, về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, đã thi hành ngày 30/9/2020. Bị cáo hiện đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

* Bị hại: anh Mai Văn M - sinh năm 2001.

Địa chỉ: thôn 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Công Tr - sinh năm 1975,(có mặt).

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

* Người làm chứng:

1. Anh Đặng Ngọc L - sinh năm 1995,(có mặt).

2. Bà Mã Thị Đ - sinh năm 1968,(vắng mặt).

Đều có địa chỉ: thôn 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Phạm Thanh Nh - sinh năm 1999,(vắng mặt).

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Anh Đỗ Văn D - sinh năm 1993,(vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

5. Cháu Mai Hoàng Th - sinh năm 2006,(vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Thương là chị Phạm Thị H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn 7, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 30/10/2021, sau khi đi uống nước tại thị trấn N, huyện N, bị cáo Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, BKS 36G1-360.56 đưa bạn gái là chị Mai Hoàng Th, sinh năm 2006 điều khiển xe máy điện về nhà của chị Th ở thôn 7, xã N, huyện N. Đến ngã tư thuộc thôn 5, xã N, chị Th nói bị cáo Th về đi, rồi chị Th rẽ trái theo trục đường chính xã N để về nhà nhưng bị cáo vẫn tiếp tục điều khiển xe mô tô đi phía sau chị Th đến đoạn đường rẽ vào nhà chị Th, thì bị cáo mới dừng lại. Lúc này, anh Mai Văn M ở thôn 6, xã N, huyện N điều khiển xe mô tô đi ngang qua. Thấy bị cáo Th dừng xe trước lối rẽ vào nhà mình nên anh M bấm còi xe để xin đường. Nghe tiếng còi xe bị cáo quay lại nhìn, thì anh M hỏi bị cáo Th "nhìn cái gì" rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi thêm một đoạn. Do không nghe rõ bị cáo nói gì nhưng anh M nghĩ bị cáo gọi mình nên dừng lại. Bực tức vì thái độ thách thức của anh M nên bị cáo đã điều khiển xe mô tô đi theo, dừng xe, rút chìa khóa điện của xe mô tô, cầm trên tay phải rồi xuống xe, đi về phía anh M. Thấy bị cáo đang tiến lại gần, anh M quay người bỏ chạy nhưng bị cáo đuổi theo khoảng 05 đến 06 mét thì đuổi kịp. Bị cáo dùng tay trái túm vào áo anh M kéo lại. Khi anh M quay đầu về phía bị cáo thì bị cáo dùng tay phải đang cầm chìa khóa xe mô tô có tổng chiều dài 08cm, trong đó phần kim loại dài 05cm, đầu nhọn, có răng cưa đâm mạnh vào vùng đầu của anh M làm cho phần kim loại của chiếc chìa khóa cắm vào vùng đỉnh đầu bên trái anh M. Bị cáo cố giằng lại chiếc chìa khóa nhưng không được, anh M ôm đầu chạy rồi rút chiếc chìa khóa trên đầu ra, điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến nhà anh Đặng Ngọc L (là em rể anh M) nói lại cho anh L sự việc mình bị một nam thanh niên đánh và đưa chìa khóa xe mô tô của bị cáo cho anh L. Anh L đưa chiếc chìa khóa trên cho mẹ đẻ là bà Mã Thị Đ, bà Đ đã giao nộp cho Công an xã N.

Khi anh M bỏ chạy, bị cáo quay lại chỗ dựng xe nhưng không có chìa khóa nên đã dắt xe mô tô rời khỏi hiện trường, giấu xe vào khu vườn gần đó rồi đi bộ về nhà anh Phạm Thanh Nh ở thôn Đ, xã N, huyện N để nhờ anh Nh chở đi lấy xe nhưng không được. Bị cáo gọi điện thoại cho anh Đỗ Văn D ở thôn 4, xã N, huyện N nói về việc bị cáo làm rơi mất chìa khóa và nhờ anh D chở về nhà bị cáo để lấy chìa khóa phụ rồi chở bị cáo đến nơi cất giấu xe để lấy xe mang về.

Đến ngày 01/11/2021, bị cáo tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện N chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen, BKS 36G1-360.56, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe mô tô, trên mặt lưỡi kim loại có ghi mã số A3882085, đã qua sử dụng.

Anh M được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện N, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa để cấp cứu và điều trị từ ngày 30/10/2021 đến ngày 12/11/2021.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh Mai Văn M lúc 23 giờ 45 phút ngày 30/10/2021 tại Bệnh viện đa khoa huyện N thể hiện: vùng đầu có một vết thương rách da, chảy máu tại đỉnh trái, kích thước (0,5x0,5)cm. Ngoài ra không còn thương tích nào khác.

Ngày 16/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã ra Quyết định số 107/CSĐT trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Mai Văn M do bị Nguyễn Công Th đánh tối ngày 30/10/2021 tại thôn 6, xã N, huyện N.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 783/2021/TTPY ngày 24/11/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Mai Văn M được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Điều 4 – Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế) là 70% (Bảy mươi phần trăm).

Sau khi có kết quả giám định, Cơ quan CSĐT đã thông báo cho bị cáo Nguyễn Công Th biết. Bị cáo Th cho rằng thương tích của anh M theo kết luận giám định là quá cao nên có đơn đề nghị giám định lại. Ngày 09/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện N ra Quyết định số 01/QĐ-CSĐT, trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định lại đối với thương tích của công dân Mai Văn M do bị đánh tối 30/10/2021.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1403/KL-KTHS ngày 22/3/2022 của Trung tâm pháp y Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Mai Văn M tại thời điểm giám định lại là 55% (năm mươi lăm phần trăm), thương tích của anh M do vật tày có tiết diện nhỏ gây nên.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được điều tra, thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Về thu giữ và xử lý vật chứng: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám đen, BKS 36G1-360.56, bị cáo điều khiển là của ông Nguyễn Công Tr (bố đẻ của Th), việc bị cáo sử dụng chiếc xe đi chơi và gây thương tích cho người khác, ông Tr không biết, nên ngày 30/11/2021 Cơ quan CSĐT đã trả lại chiếc xe mô tô trên và 01 chiếc chìa khóa xe cho ông Tr. Nhận lại tài sản, ông Tr không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng còn lại đang được bảo quản chờ xử lý là 01 chiếc chìa khóa xe mô tô bị cáo sử dụng để đâm anh M có đặc điểm bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa, có lô gô hãng Yamaha, trên thân chìa khóa có chữ số "A3882085", chìa khóa có tổng chiều dài là 08cm; phần kim loại có chiều dài 5cm, chiều rộng 0,9cm, có một đầu nhọn, thân chìa khóa có răng cưa, độ dầy của phần kim loại 0,2cm, phần kim loại của chìa khóa đã bị cong vênh ở phần đầu lệch so với thân chìa khóa là 01cm, chiều dài đoạn cong vênh là 2,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Mai Văn M cung cấp các hóa đơn với tổng chi phí điều trị vết thương là 79.962.665đ (bảy mươi chín triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng). Anh M yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 319.262.665đ (ba trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) bao gồm chi phí khám chữa bệnh, tổn hại sức khỏe, tinh thần cũng như giảm sút thu nhập tính theo ngày công lao động của bản thân anh M và người chăm sóc anh M. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh M số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng). Anh M đã nhận đủ và không có ý kiến gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th. Tuy nhiên tại phiên tòa anh M đề nghị bị cáo phải bồi thường đủ số tiền anh M yêu cầu thì mới xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Th phạm tội: "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn công Th từ 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự 2015; Theo quy định anh M được bồi thường các khoản như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút (có hóa đơn): 79.962.000đ.

- Thu nhập thực tế bị mất của anh M trong 13 ngày nằm viện và 02 ngày đi giám định sức khỏe: 15 ngày x 300.000đ = 4.500.000đ.

- Thu nhập thực tế của người chăm sóc: 15 ngày x 300.000đ = 4.500.000đ.

- Bồi dưỡng sức khỏe một lần: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Tổng số tiền anh M được bồi thường theo quy định từ 153.662.000đ đến 158.662.000đ.

Anh M yêu cầu Th bồi thường với tổng số tiền 319.262.665đ, mức yêu cầu bồi thường của anh M là không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự; do đó chấp nhận một phần yêu cầu của anh M. Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh M được 160.000.000đ. Do đó, bị cáo không có trách nhiệm bồi thường thêm cho anh M.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô Th sử dụng để đâm anh M có đặc điểm bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa, có lô gô hãng YAMAHA, trên thân chìa khóa có chữ số "A3882085", chìa khóa có tổng chiều dài là 08cm; phần kim loại có chiều dài 5cm, chiều rộng 0,9cm, có một đầu nhọn, thân chìa khóa có răng cưa, độ dầy của phần kim loại 0,2cm, phần kim loại của chìa khóa đã bị cong vênh ở phần đầu lệch so với thân chìa khóa là 01cm, chiều dài đoạn cong vênh là 2,5cm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì, đề nghị HĐXX giải quyết theo pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của bị cáo và nhưng người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Khoảng 22 giờ ngày 30/10/2021 Nguyễn Công Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, BKS 36G1-360.56 và anh Mai Văn M điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường liên thôn, thôn 5 và thôn 6 xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyễn Công Th đã dừng xe, rút chìa khóa điện xe mô tô của mình dài 08 cm, trong đó phần kim loại dài 05 cm, đầu nhọn có răng cưa là hung khí nguy hiểm, đâm vào vùng đầu tại đỉnh trái của anh M một phát làm cho anh M bị tổn thương cơ thể 55 % (Năm mươi lăm phần trăm).

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Công Th dùng chìa khóa điện xe mô tô có đặc điểm nêu trên là hung khí nguy hiểm, đâm gây thương tích cho anh Mai Văn M với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 55% (Năm mươi lăm phần trăm), đã phạm vào tội " Cố ý gây thương tích". Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất vụ án và hậu quả đối với xã hội mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Hành vi phạm tội của bị cáo để lại hậu quả rất xấu cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, người thì phạm tội, người là nạn nhân phải chịu tổn thương về cơ thể.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Ngày 09/9/2020 Công an huyện N xử phạt hành chính với số tiền là 1.250.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, đã thi hành ngày 30/9/2020; Không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, bị cáo tích cực tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại; Tại cơ quan Điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng tại phiên tòa bị hại thay đổi ý kiến không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Việc anh Mai Văn M phải đi điều trị thương tích là hậu quả trực tiếp do bị cáo Th gây ra nên anh M yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường là có căn cứ xem xét. Anh Mai Văn M cung cấp các hóa đơn với tổng chi phí điều trị vết thương là 79.962.665đ (*Bảy mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*). Anh M yêu cầu bị cáo Th bồi thường tổng số tiền 319.262.665đ (*Ba trăm mười chín triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*) bao gồm chi phí khám chữa bệnh, tổn hại sức khỏe, tinh thần cũng như giảm sút thu nhập tính theo ngày công lao động của bản thân anh M và người chăm sóc anh M. Bị cáo Th đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh M số tiền 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) anh M đã nhận. Nhưng ngày 20/5/2022 anh M có đơn cũng như tại phiên tòa anh M đề nghị Tòa án buộc bị cáo Th phải bồi thường tiếp cho anh số tiền còn lại là 159.262.665đ; nếu không bồi thường tiếp thì anh không xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

Theo đơn đề nghị ngày 01/3/2022 của anh M, HĐXX xét thấy: Về khoản chi phí khám chữa bệnh, viện phí, mua thuốc có hóa đơn, phiếu thu của cơ quan y tế và nơi anh M điều trị tổng số tiền là 79.962.665đ có căn cứ chấp nhận; đối với khoản tiền công không lao động được của bị hại và người chăm sóc cho bị hại, HĐXX xét thấy, bị hại đề nghị mức thu nhập công lao động 300.000đ/ngày là cao so với thực tế, cũng xem xét và chấp nhận công lao động là 300.000đ/ngày. HĐXX cũng xem xét: Anh M đề nghị khoảng thời gian anh nằm viện từ ngày 31/10/2021 đến ngày 28/02/2022 là 118 ngày là không có cơ sở mà chỉ chấp nhận thời gian được tính từ ngày 31/10/2021 đến ngày 13/11/2021 ra viện cộng với thời gian tiếp theo được tính đến ngày hóa đơn mua thuốc điều trị cuối cùng cho anh M là ngày 30/12/2021 bằng 60 ngày x 300.000đ/ngày = 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Tiền công lao động của người chăm sóc cho anh M được chấp nhận về thời gian từ ngày 31/10/2021 đến ngày 13/11/2021 là 13 ngày x 300.000đ/ngày = 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng). Đối với khoản tiền yêu cầu bồi thường tổn hại sức khỏe và tinh thần: Anh

M yêu cầu bồi thường số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là quá cao. HĐXX xem xét đây là khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại được bồi thường. Do vậy, HĐXX căn cứ vào quy định của BLDS 2015 thì mức bồi thường khoản tiền này cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 50 lần tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định. Anh M bị tỷ lệ tổn thương cơ thể là 55% nên HĐXX xem xét khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh M ở mức 39 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường là 39 tháng x 1.490.000đ/tháng = 58.110.000đ (năm mươi tám triệu một trăm mười nghìn đồng).

Như vậy, tổng các khoản tiền anh M yêu cầu bị cáo Th bồi thường được HĐXX chấp nhận là: Chi phí điều trị, viện phí, tiền thuốc là 79.962.665đ; tiền công không lao động được của anh M là 18.000.000đ; tiền công không lao động được của người chăm sóc cho anh M là 3.900.000đ; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 58.110.000đ. Tổng cộng là 159.272.665đ làm tròn là 159.273.000đ (một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Buộc bị cáo Nguyễn Công Th phải bồi thường cho anh Mai Văn M. Bị cáo Th đã bồi thường trước cho anh M số tiền là 160.000.000đ; số tiền dư thừa là 727.000đ bị cáo Th không yêu cầu anh M thanh toán lại nên miễn xét. Chấp nhận bị cáo Th đã bồi thường đủ cho anh M.

[6] Về xử lý vật chứng: Một chiếc chìa khóa xe mô tô bị cáo Th xử dụng để đâm anh M, có đặc điểm nêu ở phần trên là của ông Nguyễn Công Tr (Bố đẻ của bị cáo Th), ông Tr không có yêu cầu xin nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Bản cáo trạng, quyết định truy tố và lời luận tội của kiểm sát viên đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với bị cáo Nguyễn Công Th tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, lời nói sau cùng của bị cáo là xin HĐXX cho bị cáo mức án thấp nhất. Đối với bị hại đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lời khai và trình bày có trong hồ sơ và tại phiên tòa là phù hợp và đúng thực tế những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Đối với người làm chứng lời trình bày có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa đều phù hợp và cam đoan khai báo trung thực.

Trong hồ sơ vụ án tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự tại Điều 37 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[8] Án phí: Bị cáo Nguyễn Công Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công Th phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Công Th 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Công Th phải bồi thường cho anh Mai Văn M tổng số tiền là 159.273.000đ (một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Th đã bồi thường đủ cho anh M.

Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô, có lô gô hãng YAMAHA, chìa khóa có tổng chiều dài là 08 cm, thân chìa khóa bằng kim loại dài 05 cm, dày 0,2 cm, phần rộng nhất là 0,9 cm, có một đầu nhọn, thân chìa khóa có các cạnh dạng răng cưa, có mã số: A3882085, bị cong vênh, biến dạng được niêm phong trong 01 phong bì thư theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an xã N lập ngày 31/10/2021, tại gia đình bà Mã Thị Đ ở thôn 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Công Th phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Công Th; bị hại anh Mai Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo,bị hại;
-Người có QLNVLQ;
-Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Tuyển